TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 211 / 2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 6 - 2018
V/v: Ly hôn giữa
chị N và anh E

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn On.
Các Hội thẩm nhân dân dân:
Ông Phạm Thế Phương.
Bà Huỳnh Thị Hồng Nho.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đào Công Minh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 370/2017/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp " Ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:160 /2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Tuyết N, sinh năm 1992.

Cư trú tại: Tổ 5, ấp Vĩnh Lạc, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang

Nơi ở hiện nay: Tổ 20, ấp Vĩnh Lợi, xã Vĩnh Lộc, huyện An Phú, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Tuấn E, sinh năm 1992.

Cư trú tại: Tổ 5, ấp Vĩnh Lạc, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 10 Năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Phạm Thị Tuyết N trình bày: Tôi và anh Nguyễn Tuấn E tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên đồng ý, tổ chức lễ cưới năm 2007, có đăng ký kết hôn trễ hạn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều tranh cải với nhau và bất đồng ý kiến, đến năm 2013 thì ly thân từ đó cho đến nay nhằm vợ chồng có thay đổi, cải thiện nhưng anh Tuấn E vẫn không thay đổi. Về quan hệ con chung có 01 con tên Nguyễn Phạm Như Ý, sinh ngày 04/9/2008, hiện đang sống với mẹ. Về quan hệ tài sản chung không có, về nợ chung không có nợ. Tôi yêu cầu

xin ly hôn với anh Nguyễn Tuấn E, yêu cầu xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh Tuấn E cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh Nguyễn Tuấn E trình bày: Ngày 25/12/2013 tôi có kêu vợ tôi đi ruộng thì vợ chồng cự cải qua lại nên tôi có đòi đánh vợ tôi thì vợ tôi thách thức nên tôi có đi lên nhà thì vợ tôi dùng cây đánh tôi trước, do tức giận nên tôi có đánh vợ tôi và sau đó vợ tôi bỏ về gia đình cha mẹ vợ ở luôn cho đến nay, về con chung thống nhất như vợ tôi trình bày, về tài sản chung, nợ chung không có, tôi đồng ý ly hôn với cô Tuyết N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định vụ án như sau: Hôn nhân giữa chị Phạm Thị Tuyết N và anh Nguyễn Tuấn E có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được xE là hôn nhân hợp pháp.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phiên tòa tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp " Ly hôn " giữa chị Phạm Thị Tuyết N và anh Nguyễn Tuấn E được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Chị Phạm Thị Tuyết N yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Tuấn E, về con chung yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Phạm Như Ý, sinh ngày 04/9/2008, hiện đang sống với mẹ và không yêu cầu anh Tuấn E cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung không có, về nợ chung không có nợ.

[4] Anh Nguyễn Tuấn E đồng ý ly hôn với cô Phạm Thị Tuyết N, về con chung thống nhất như vợ tôi trình bày, về tài sản chung, nợ chung không có.

[5] Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

- khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

- Khoản 1-2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có

khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xE xét nguyện vọng của con.

- Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; chia tài sản sau khi ly hôn.

[6] Hội đồng xét xử xét nhận thấy: Hôn nhân của chị Phạm Thị Tuyết N và anh Nguyễn Tuấn E trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều tranh cải với nhau và bất đồng ý kiến, đến năm 2013 thì ly thân từ đó cho đến nay nhầm vợ chồng có thay đổi, cải thiện nhưng anh Tuấn E vẫn không thay đổi, trong thời gian ly thân vợ chồng không tự hòa giải để hàn gắn cuộc sống vợ chồng, mà để mâu thuẫn diễn biến ngày một gay gắt, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cho chị Phạm Thị Tuyết N và anh Nguyễn Tuấn E ly hôn là phù hợp. Về con chung có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Như Ý, sinh ngày 04/9/2008, hiện đang sống với mẹ, chị Tuyết N có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi con chung và cháu Như Ý cũng có nguyện vọng nếu cha mẹ ly hôn thì ở với mẹ và chị Tuyết N không yêu cầu anh Tuấn E phải có nghĩa vụ đóng góp nuôi con nên hội đồng xét xử không đặt ra để xE xét giải quyết. Về tài sản chung không có, về nợ chung không có nợ.

[7] *Về án phí*: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Phạm Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0001406 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9-51-56-81-82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 khoản 1 Điều 147 khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 điểm Điều 27 Nghị quyết số:326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

- Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Tuyết N và anh Nguyễn Tuấn E.

2. Về nuôi con chung:

- Chị Phạm Thị Tuyết N được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Phạm Như Ý, sinh ngày 04/9/2008, chị Tuyết N không yêu cầu anh Tuấn E phải đóng góp nuôi con.

3. Về chia tài sản:

- Không có.

- Về nợ chung không có nợ.

4. Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Phạm Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0001406 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Toà án tỉnh;
- VKSND thị xã;
-THADS thị xã
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ;
- Lưu: VP.

Đào Văn On